HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ HÒA ĐIỀN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22 /NQ-HĐND	*Hòa Điền, ngày 17 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn điều chỉnh quyết toán ngân sách xã Hòa Điền năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HÒA ĐIỀN
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Hòa Điền về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ chi ngân sách địa phương xã Hòa Điền năm 2025.

Xét Tờ trình số 66/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Điền; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh quyết toán ngân sách xã Hòa Điền năm 2025, cụ thể như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 (nguồn thu nội địa) là: 38.302 triệu đồng *(tăng 20.783 triệu đồng)*, trong đó:

- Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý là: 179 triệu đồng *(tăng 179 triệu đồng).*

- Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý là: 13 triệu đồng *(tăng 13 triệu đồng).*

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là: 11.847 triệu đồng *(tăng 1 triệu đồng).*

- Thuế thu nhập cá nhân là: 6.820 triệu đồng *(tăng 6.820 triệu đồng).*

- Thu lệ phí trước bạ là: 4.196 triệu đồng.

- Thu phí, lệ phí là: 259 triệu đồng *(giảm 377 triệu đồng).*

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là: 4 triệu đồng *(tăng 4 triệu đồng).*

- Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước là: 11.439 triệu đồng *(tăng 11.439 triệu đồng).*

- Thu tiền sử dụng đất là: 1.717 triệu đồng *(tăng 1.717 triệu đồng).*

- Thu ngân sách khác là: 1.828 tiệu đồng *(tăng 987 triệu đồng).*

2. Tổng thu ngân sách địa phương năm 2025 là: 192.765 triệu đồng *(giảm 4.282 triệu đồng)*, trong đó:

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là: 3.501 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là: 122.071 triệu đồng *(giảm 4.283 triệu đồng).*

- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 67.193 triệu đồng *(tăng 1 triệu đồng)*

3. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 là: 192.765 triệu đồng *(giảm 4.282 triệu đồng)*, gồm:

a) Chi cân đối ngân sách là: 55.805 triệu đồng *(giảm 1.922 triệu đồng)*, trong đó:

- Chi thường xuyên là: 55.272 triệu đồng *(giảm 1.922 triệu đồng).*

- Chi dự phòng ngân sách là: 533 triệu đồng.

b) Chi bổ sung các chương trình mục tiêu là: 44.058 triệu đồng *(giảm 2.951 triệu đồng).*

c) Chi chuyển nguồn sang năm sau là: 92.902 triệu đồng *(tăng 591 triệu đồng).*

(Đính kèm các biểu mẫu theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ -CP)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Hòa Điền khóa XIII, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026, có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã./.

Nơi nhận:
- HĐND-UBND tỉnh;
- TT. ĐU-HĐND xã;
- CT, các PCT. UBND xã;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, đơn vị cấp xã;
- Các ấp;
- Luu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Mỹ Nhung

Biểu mẫu số 48

ĐIỀU CHỈNH QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-NĐND ngày 2 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Hòa Điền)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**61.316**	**192.765**	**131.449**	**314,38**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**1.443**	**3.501**	**2.058**	**242,63**
1	Thu NSĐP hưởng 100%	313	1.477	1.164	472,02
2	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.130	2.024	894	179,09
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**59.873**	**122.071**	**62.198**	**203,88**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	59.506	57.727	(1.779)	97,01
2	Thu bổ sung có mục tiêu	367	64.344	63.977	17.532,50
IV	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**				
V	**Thu kết dư**				
VI	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**67.193**	**67.193**	
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**61.316**	**192.765**	**131.449**	**314,38**
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**	**60.949**	**55.805**	**(5.144)**	**91,56**
1	Chi đầu tư phát triển	-	-	0	
2	Chi thường xuyên	59.754	55.272	(4.482)	92,50
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			0	
5	Dự phòng ngân sách	1.195	533	(662)	44,60
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0	
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	**367**	**44.058**	**43.691**	**12.004,93**
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	2.122	2.122	
-	*Vốn đầu tư*		*449*	449	
-	*Vốn sự nghiệp*		*1.673*	1.673	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	367	32.158	31.791	8.762,26
-	*Vốn đầu tư*		*60*	60	
-	*Vốn sự nghiệp*	*367*	*32.098*	31.731	8.745,91
3.	Chi từ nguồn năm trước chuyển sang		9.779	9.779	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		92.902	92.902	
C	BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP/KẾT DƯ NSĐP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP				

I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSĐP				
I	Vay để bù đắp bội chi				
II	Vay để trả nợ gốc				
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSĐP				

Biểu mẫu số 50

ĐIỀU CHỈNH QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Hòa Điền)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	**24.850**	**9.208**	**105.776**	**105.495**	**425,66**	**1.145,69**
A	**TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN**	**24.850**	**9.208**	**38.583**	**38.302**	**155,27**	**415,97**
I	**Thu nội địa**	**24.850**	**9.208**	**38.583**	**38.302**	**155,27**	**415,97**
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)			179	179		
	Thuế giá trị gia tăng			*179*	*179*		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	50		13	13	26,22	
	Thuế giá trị gia tăng	*20*		*6*	*6*	30,95	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	*30*		*7*	*7*	23,07	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	6.095	6.095	11.847	11.847	194,37	194,37
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	*175*	*175*	*3.199*	*3.199*	*1.827,85*	*1.827,85*
	Thuế giá trị gia tăng	*5.920*	*5.920*	*8.647*	*8.647*	*146,07*	*146,07*
	Thuế tài nguyên			*1*	*1*		
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.430		6.820	6.820	153,94	
5	Thuế bảo vệ môi trường						
6	Lệ phí trước bạ	2.800	2.800	4.196	4.196	149,85	149,85
7	Thu phí, lệ phí	241	163	367	259	152,13	159,15
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			4	4		
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	10.654		11.439	11.439	107,37	
11	Thu tiền sử dụng đất	300		1.717	1.717	572,35	
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
15	Thu khác ngân sách	250	150	2.002	1.828	800,86	1.218,87
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	30					
17	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						
18	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
19	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
II	**Thu từ dầu thô**						
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**						
IV	**Thu viện trợ**						
B	**THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**						
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC						
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			67.193	67.193		

Biểu mẫu số 51

ĐIỀU CHỈNH QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-NĐND ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Hòa Điền)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**61.316**	**192.765**	**314,38**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**60.949**	**55.805**	**91,56**
I	**Chi đầu tư phát triển**			
II	**Chi thường xuyên**	**59.754**	**55.272**	**92,50**
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	40.334	42.726	105,93
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**			
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**			
V	**Dự phòng ngân sách**	***1.195***	***533***	**44,60**
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**			
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**367**	**34.279**	**9.340,24**
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**		**2.122**	
-	Vốn đầu tư		449	
-	Vốn sự nghiệp		1.673	
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	**367**	**32.157**	**8.762,13**
-	Vốn đầu tư		60	
-	Vốn sự nghiệp	367	32.097	
C	**Chi chuyển nguồn từ năm 2024 sang 2025 (bao gồm ngân sách huyện chuyển giao)**		9.779	
D	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**		**92.902**	

Biểu mẫu số 52

ĐIỀU CHỈNH QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-NĐND ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Hòa Điền)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	*B*	*1*	*2*	*3=2-1*	*4=2/1*
	TỔNG CHI NSĐP	**61.316**	**192.765**	**131.449**	**314,38**
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)**				
B	**CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO LĨNH VỰC**	**61.316**	**99.863**	**38.547**	**162,87**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**0**	**1.180**	**1.180**	
1	Chi đầu tư cho các dự án		1.180	1.180	
-	Chi văn hóa thông tin		449	449	
-	Chi các hoạt động kinh tế		227	227	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		445	445	
-	Chi bảo đảm xã hội		60	60	
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	**Chi thường xuyên**	**60.121**	**98.150**	**38.029**	**163,25**
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	40.334	42.726	2.392	105,93
-	Chi quốc phòng	933	1.629	696	174,64
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	281	372	91	132,42
-	Chi y tế, dân số và gia đình		8	8	
-	Chi văn hóa, thông tin liên lạc	25	996	971	3.982,53
-	Chi thể dục thể thao	40	89	49	223,60
-	Chi bảo vệ môi trường		38	38	
-	Chi các hoạt động kinh tế		3.733	3.733	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	17.225	40.686	23.461	236,20
-	Chi bảo đảm xã hội	21	6.611	6.590	31.478,99
-	Chi khác	1.262	1.262	0	100,00
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)**				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				
V	Dự phòng ngân sách	1.195	533	(662)	44,60
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		0	0	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		92.902	92.902	

Biểu mẫu số 54

ĐIỀU CHỈNH QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Hòa Điền)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán (bao gồm điều chỉnh, bổ sung)						Quyết toán							So sánh (%)					
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG			Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG		
					Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên					Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
A	*B*	*1=2+3+4*	*2*	*3*	*4=5+6*	*5*	*6*	*7=8+9+10*	*8*	*9*	*10=11+12*	*11*	*12*	*13*	*14=7/1*	*15=8/2*	*16=9/3*	*17=10/4*	*18=11/5*	*19=12/6*
	TỔNG SỐ	**151.972**	**2.619**	**145.098**	**4.255**	**1.016**	**3.239**	**99.980**	**1.180**	**97.122**	**1.678**	**614**	**1.065**	**15.711**	**65,79**	**45,06**	**66,94**	**39,45**	**60,43**	**32,87**
I	**CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	**151.972**	**2.619**	**145.098**	**4.255**	**1.016**	**3.239**	**99.980**	**1.180**	**97.122**	**1.678**	**614**	**1.065**	**15.711**	**65,79**	**45,06**	**66,94**	**39,45**	**60,43**	**32,87**
1	Văn phòng Đảng ủy xã	4.933		4.933				4.772		4.772					96,74		96,74			
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	1.889		1.889				1.792		1.792					94,84		94,84			
3	Văn phòng HĐND và UBND xã	7.350		7.350				7.230		7.230				94,81	98,36		98,36			
4	Phòng Kinh tế xã	83.074	2.619	76.623	3.831	1.016	2.815	32.995	1.180	30.304	1.511	614	897	15.346	39,72	45,06	39,55	39,44	60,43	31,87
5	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	8.380		7.972	408		408	7.795		7.628	167		167	255	93,03		95,68	41,04		41,04
6	Ban Chỉ huy quân sự xã	1.629		1.629				1.629		1.629					100,00		100,00			
7	Công an xã	473		458	15,59		15,59	372		372				15,59	78,62		81,30	-		-
8	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	679		679				679		679					100,00		100,00			
9	Trường Mầm non Hòa Điền 1	2.864		2.864				2.823		2.823					98,56		98,56			
10	Trường Mầm non Hòa Điền 2	3.809		3.809				3.739		3.739					98,16		98,16			
11	Trường Tiểu học Hòa Điền	10.705		10.705				10.485		10.485					97,95		97,95			
12	Trường THCS Hòa Điền	6.708		6.708				6.465		6.465					96,37		96,37			
13	Trường Tiểu học và THCS Hòa Điền 1	10.862		10.862				10.763		10.763					99,09		99,09	-		
14	Trường Tiểu học và THCS Hòa Điền 2	8.616		8.616				8.441		8.441					97,96		97,96	-		
II	**CHI TRẢ NỢ LÃI DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (2)**																			
III	**CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH (2)**																			
IV	**DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**																			
V	**CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG**																			
VI	**CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (3)**																			
VII	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU**																			

Biểu mẫu số 58

ĐIỀU CHỈNH QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-NĐND ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Hòa Điền)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán (bao gồm điều chỉnh, bổ sung)				Quyết toán											So sánh (%)			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn sang năm sau	Tổng số	Trong đó		
			Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi CT MTQG		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi CT MTQG
								Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học, công nghệ		Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học, công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên					
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16=5/1*	*17=6/2*	*18=9/3*	*19=12/4*
-	Xã Hòa Điền	190.707	30.806	155.344	4.557	192.765	1.180	0	0	96.390	42.726	0	2.292	614	1.678	92.902	101	3,83	62,05	50,31

Biểu mẫu số 59

ĐIỀU CHỈNH QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Hòa Điền)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán (bao gồm điều chỉnh, bổ sung)								Quyết toán								So sánh (%)							
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu					
				Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước			
A	*B*	*1*	*2*	*3=4+5*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=12+13*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17=9/1*	*18=10/2*	*19=11/3*	*20=12/4*	*21=13/5*	*22=14/6*	*23=15/7*	*24=16/8*
	Xã Hòa Điền	122.071	57.727	64.344		64.344	53.102	7.461	3.782	91.286	55.767	35.519		35.519	26.940	6.525	2.054	74,78	96,60	55,20		55,20	50,73	87,46	54,31

Biểu mẫu số 61

ĐIỀU CHỈNH QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-NĐND ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Hòa Điền)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán (bao gồm điều chỉnh, bổ sung)			Quyết toán										So sánh (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia ...							Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp				Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
									Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra				
										Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Vốn trong nước	Vốn ngoài nước			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=4/1	15=8/2	16=11/3
	TỔNG SỐ	**4.557**	**1.318**	**3.239**	**2.292**	**614**	**1.678**	**2.292**	**614**	**614**	**0**	**1.678**	**1.678**	**0**	50,31	46,58	51,83
1	Nguồn vốn kéo dài năm trước chuyển sang	775	302	473	238	165	73	238	165	165		73	73		30,78	54,74	15,46
2	Nguồn vốn năm 2025	3.782	1.016	2.766	2.054	449	1.605	2.054	449	449		1.605	1.605		54,31	44,15	58,04